CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang

Ngày 30/06/2025	4,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	27.0%	**27.8%**	**64.6%**

DT thuần
Q2/25
4.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.0| -86.1%
YoY: ▼21.2| -81.4%

LN thuần
Q2/25
1.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.57| -67.6%
YoY: ▲ 12.4| 116%

LN sau thuế
Q2/25
1.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.94| -64.5%
YoY: ▲ 18.3| 110%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
174%
YoY: +/-▲ 141%

ROE (TTM)
Q2/25
-3.8%
YoY: +/-▲ 2.7%

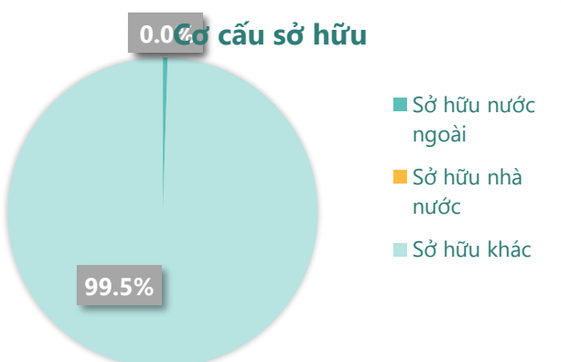
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,400 - 4,230
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	209
Số lượng CPLH (CP)	51,497,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	297,120
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.74
EPS	-498
P/E	-8.1

DT thuần
6T 2025
39.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.9| -28.6%

LN thuần
6T 2025
6.99
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.7| 151%

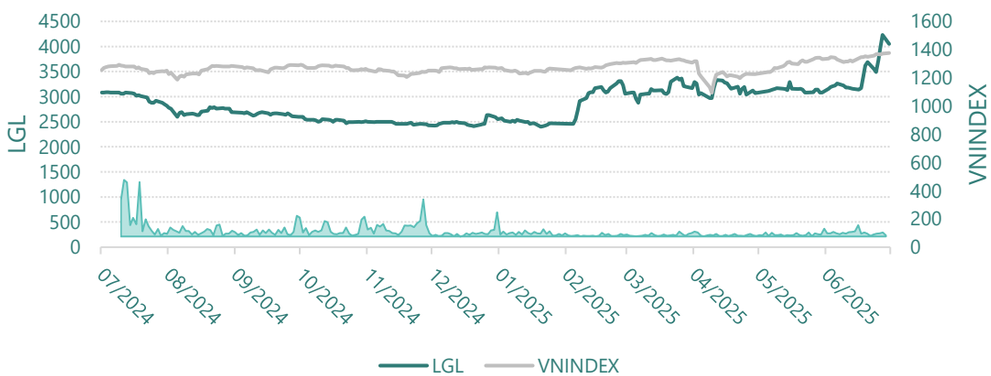
LN sau thuế
6T 2025
6.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.1| 131%

Cơ cấu sở hữu

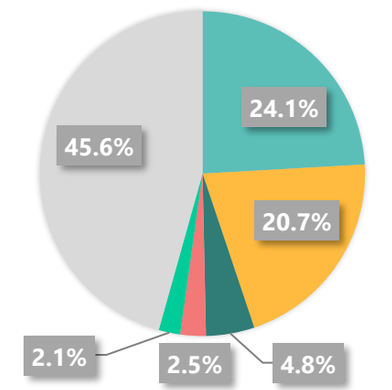


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



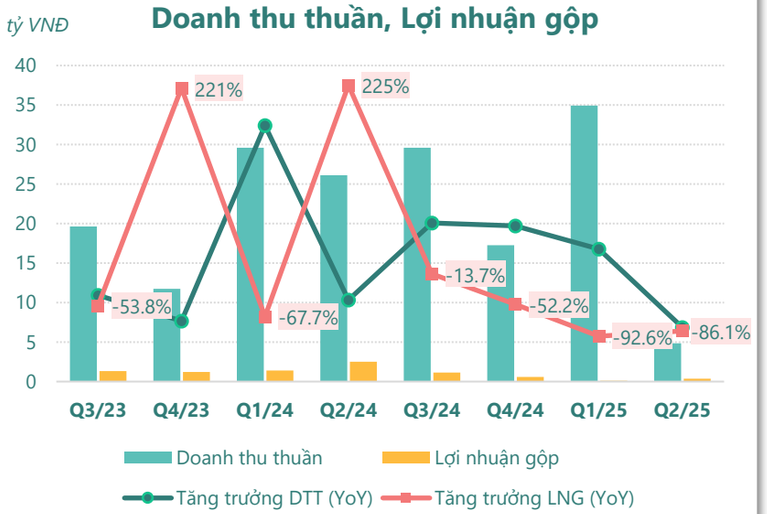
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

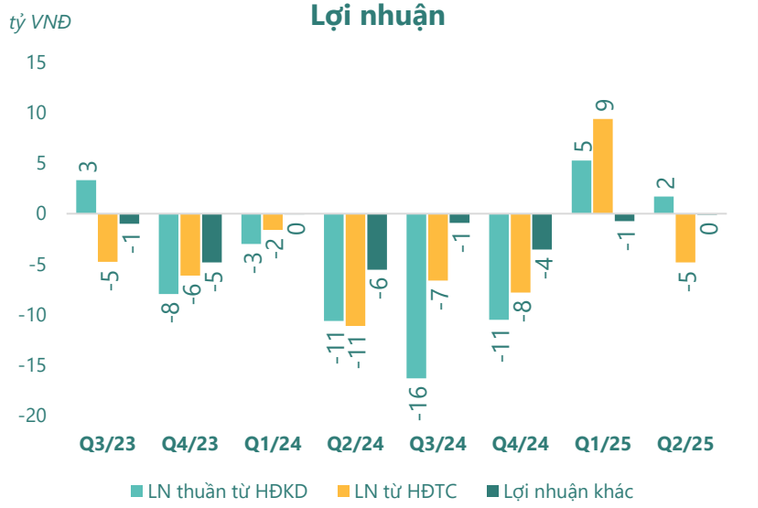
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



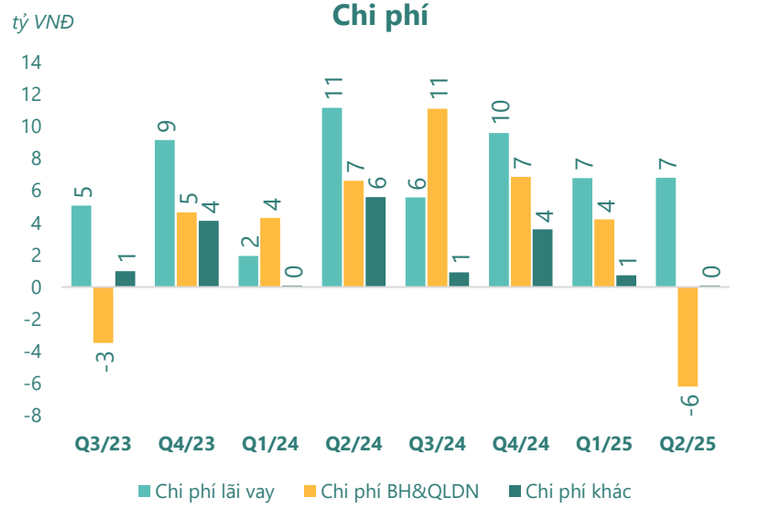
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



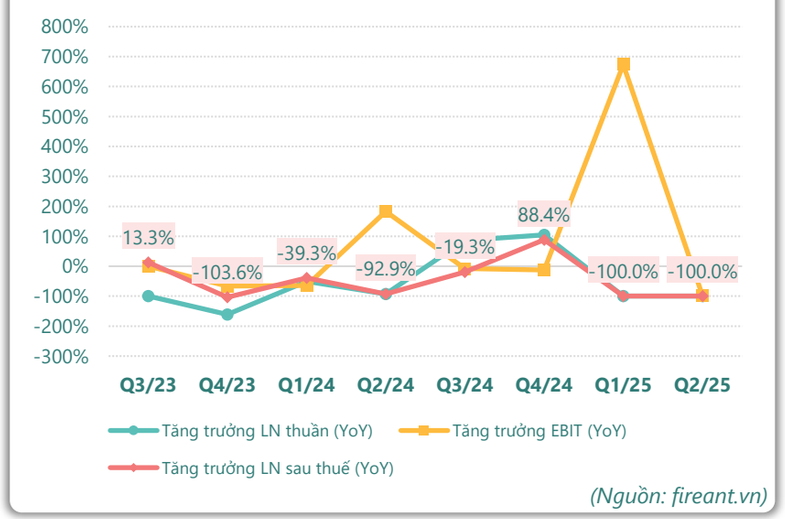
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



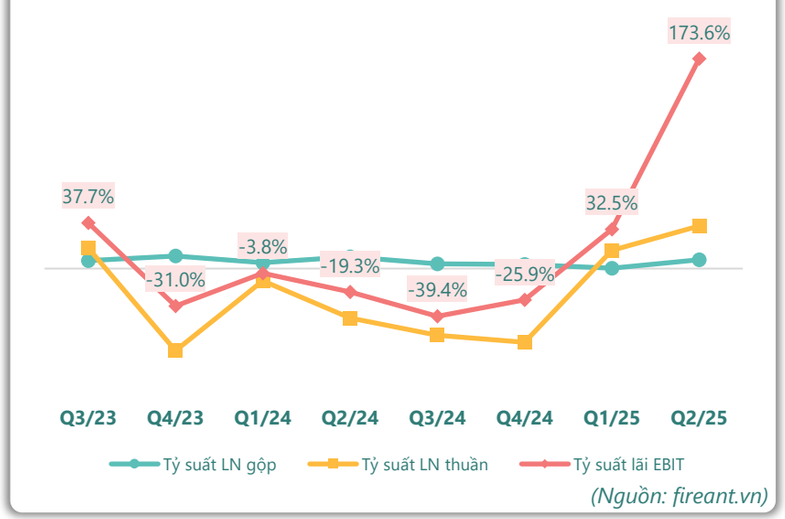
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



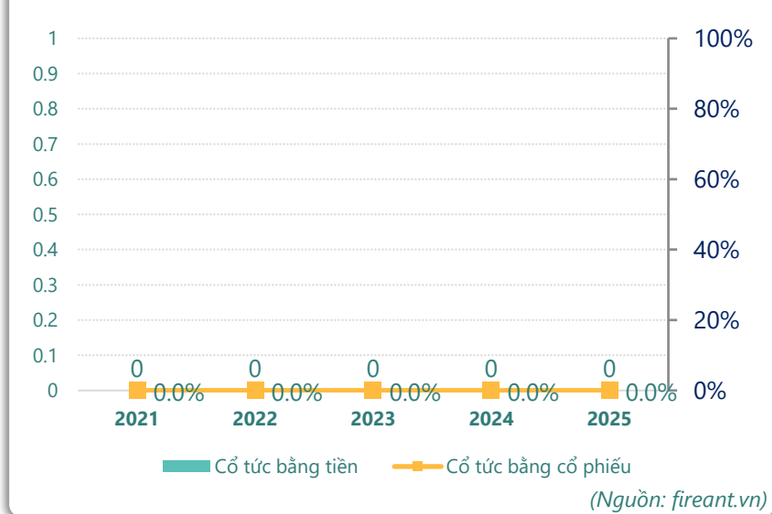
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

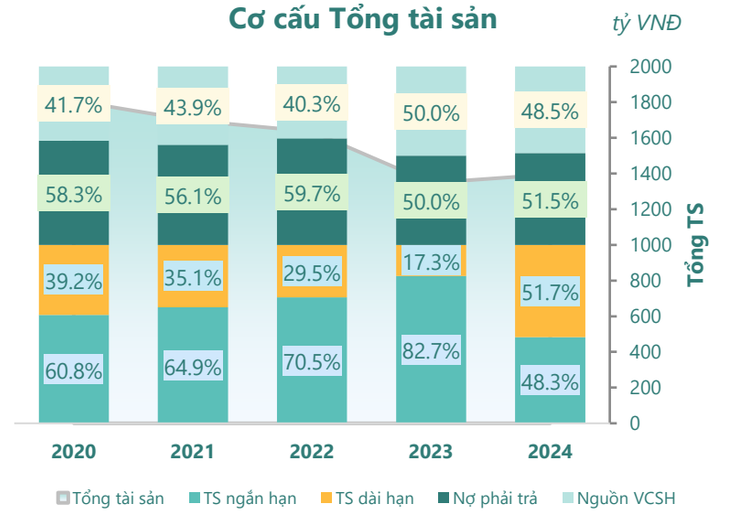
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

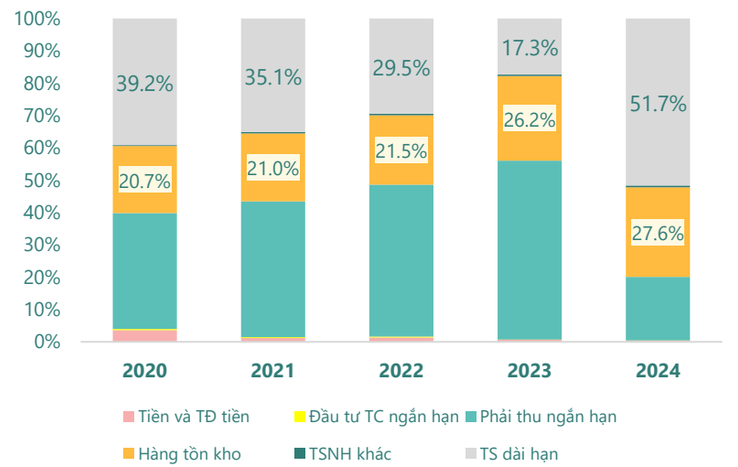
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



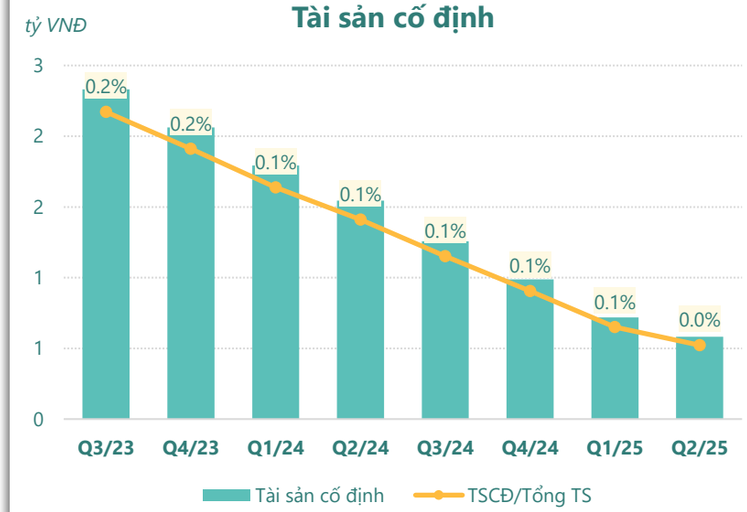
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



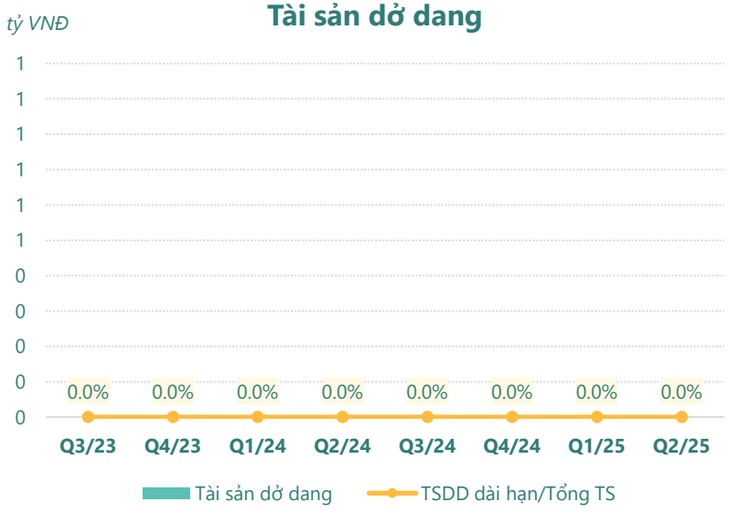
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



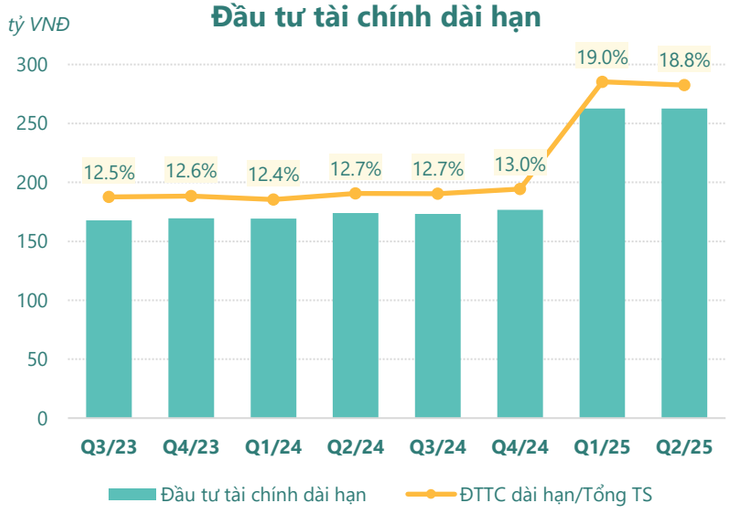
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



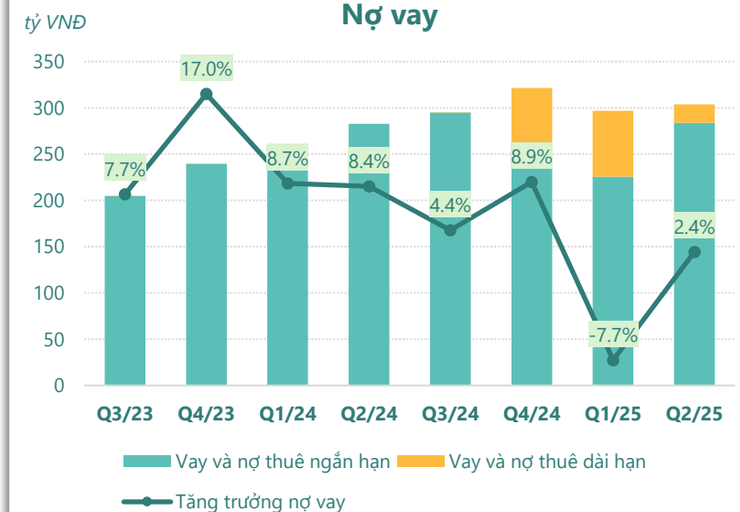
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

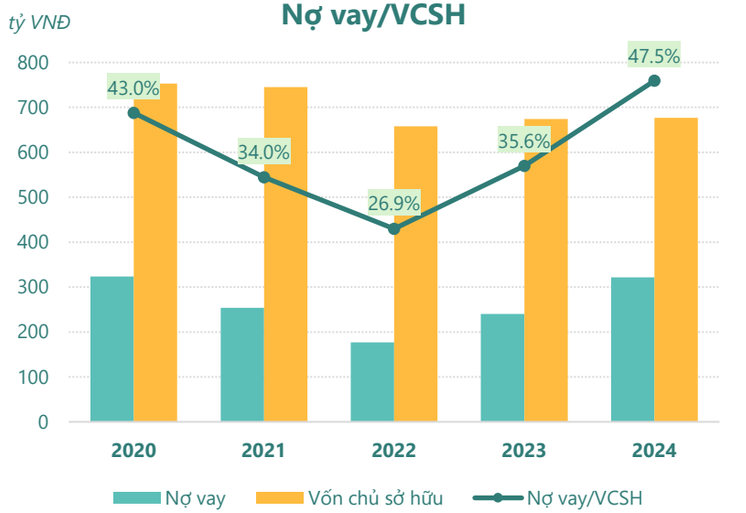
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

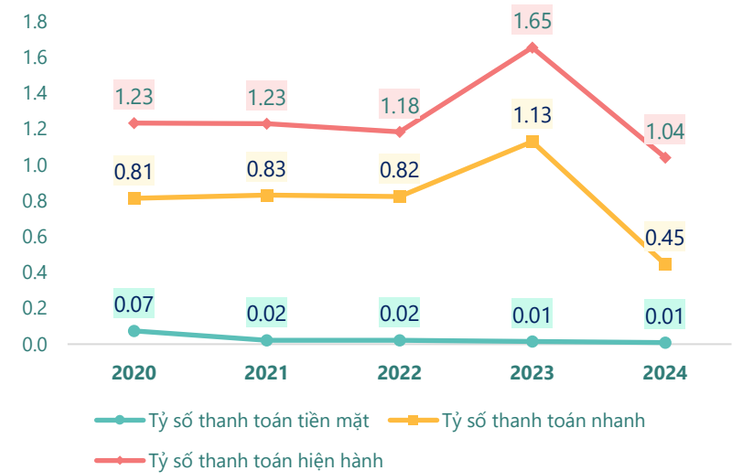
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



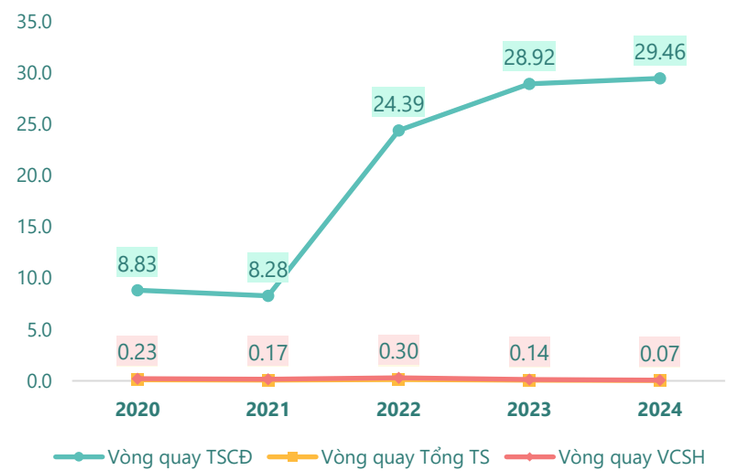
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



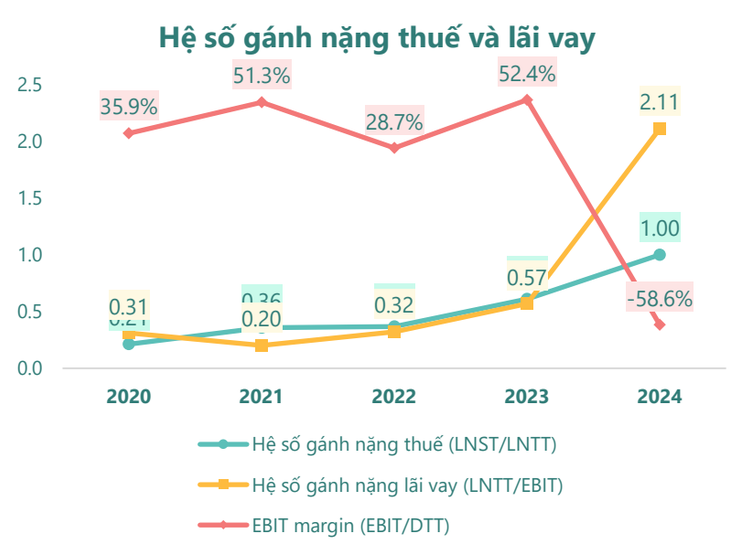
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



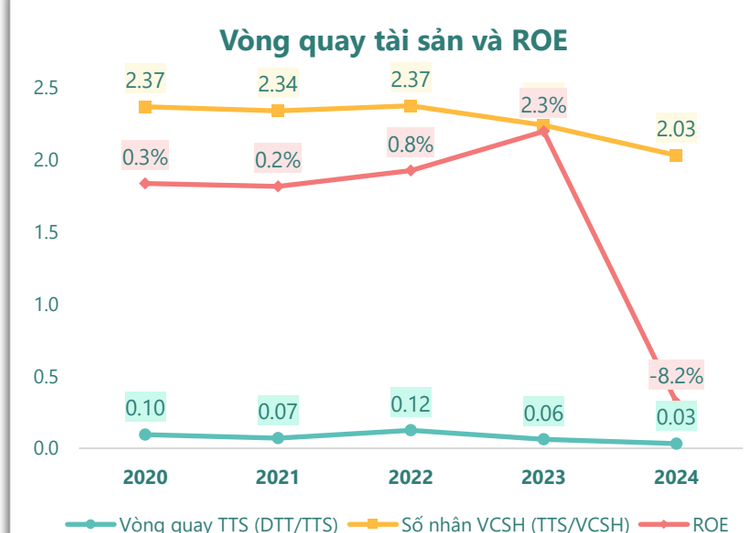
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



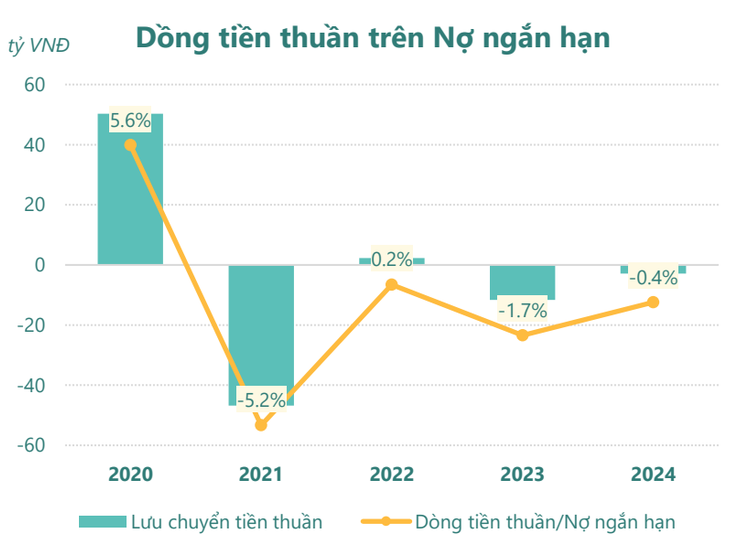
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.86**	**26.1**	**-81.4%**	**39.8**	**55.7**	**-28.6%**
Giá vốn hàng bán	4.51	23.6	-80.9%	39.3	51.8	-24.1%
Lợi nhuận gộp	0.35	2.52	-86.1%	0.46	3.94	-88.4%
Doanh thu HĐTC	1.57	0.55	186%	18.5	0.90	1947%
Chi phí TC	6.42	11.7	-45.1%	13.9	13.6	2.1%
Chi phí lãi vay	6.81	11.2	-39.2%	13.6	13.1	3.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**4.58**	**-100%**	**0**	**6.07**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**-6.21**	**6.63**	**-194%**	**-1.99**	**10.9**	**-118%**
LN thuần từ HĐKD	1.71	-10.7	116%	6.99	-13.7	151%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**-5.56**	**98.4%**	**-0.82**	**-5.61**	**85.5%**
LN trước thuế	1.62	-16.2	110%	6.18	-19.3	132%
Lợi nhuận sau thuế	**1.62**	**-16.7**	**110%**	**6.18**	**-19.9**	**131%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.62**	**-17.2**	**109%**	**6.18**	**-20.8**	**130%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.23	-32.9	-21.3	-203	-2.29	-6.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.5	5.53	12.7	177	22.0	0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.9	21.9	12.7	26.5	-24.5	6.01
Tiền đầu kỳ	9.84	7.98	2.53	6.66	5.68	0.95
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.86**	**-5.45**	**4.13**	**0.09**	**-4.73**	**-0.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.98	2.53	6.66	6.74	0.95	0.48

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,395**	**1,396**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	572	674	-15.1%
Tiền và tương đương tiền	0.48	5.68	-91.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	176	275	-36.0%
Hàng tồn kho	387	386	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	8.61	7.35	17.2%
Tài sản dài hạn	**823**	**722**	**14.0%**
Phải thu dài hạn	444	457	-2.8%
Tài sản cố định	0.58	0.99	-41.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	263	263	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**116**	**1.10**	**10399%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	712	718	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**553**	**647**	**-14.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	284	250	13.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	90.7	95.3	-4.8%
Nợ dài hạn	159	71.2	123%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	71.2	-71.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**683**	**677**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**683**	**677**	**0.9%**
Vốn điều lệ	515	515	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)